

Số: 18 /2024/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 30 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi
thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 2 Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 196/TTr-SNN ngày 14 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Thủy lợi;
- Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban TT UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng NNTN, NC (L02);
- Lưu: VT, Ktr848/6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Sử



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau

(Kèm theo Quyết định số 18 /2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Chi cục Thủy lợi (sau đây viết tắt là Chi cục) là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn, đảm bảo an ninh nguồn nước, an toàn đập và hồ chứa nước, đề điều, phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện chức năng Văn phòng thường trực phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn tỉnh Cà Mau.

3. Chi cục chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Thủy lợi, Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Chi cục có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực thủy lợi, cụ thể như sau:

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản thủy lợi, quy trình vận hành công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh; quyết định giao tổ chức quản lý hoặc phân cấp quản lý công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; phê duyệt hoặc phân cấp phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước, công trình thủy lợi khác thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh; phương án huy động lực lượng, vật tư, phương tiện bảo vệ công trình thủy lợi khi xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố; quy mô thủy lợi nội đồng; kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn do địa phương quản lý;



b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua các mức giá và phê duyệt giá cụ thể của sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì xây dựng phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển thủy lợi, các nội dung liên quan đến thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch thủy lợi và quy hoạch ngành quốc gia theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý các hồ chứa nước, công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các hồ chứa nước, công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn trên địa bàn theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn; tổ chức thực hiện việc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn, thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn; phối hợp quản lý việc xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

g) Hướng dẫn, kiểm tra công tác tưới, tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

h) Theo dõi, giám sát, quan trắc diễn biến bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi; hướng dẫn, quản lý việc tổ chức thực hiện khai thác, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm, an toàn, có hiệu quả nguồn nước từ các công trình thủy lợi; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý vận hành, điều tiết nguồn nước của các hệ thống công trình thủy lợi; bảo đảm cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt trong thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng trên địa bàn tỉnh; tổ chức quan trắc, dự báo, cảnh báo về hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng, số lượng, chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

i) Chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện về phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực phòng, chống thiên tai, cụ thể như sau:

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: kế hoạch phòng, chống thiên tai, kế hoạch đầu tư xây



dùng công trình phòng, chống thiên tai của địa phương theo phân công; tiêu chuẩn, định mức vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng chống thiên tai; quyết định về tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát chuyên dùng phòng, chống thiên tai; quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản về phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; quyết định về lực lượng chuyên trách quản lý đê điều, lực lượng quản lý đê nhân dân; chế độ, chính sách đối với lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng tuần tra, canh gác đê; cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều; sử dụng bãi sông liên quan đến đê điều; chấp thuận việc xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch đê điều, phương án phát triển hệ thống đê điều trong quy hoạch tỉnh, đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa, duy tu, bảo dưỡng đê điều, quản lý và bảo đảm an toàn đê điều theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc đánh giá hiện trạng đê điều, xác định trọng điểm xung yếu đê điều; kiểm tra xây dựng, triển khai phương án hộ đê, công tác hộ đê, bảo đảm an toàn đê điều; tổng hợp, quản lý thông tin, dữ liệu về đê điều trong phạm vi của tỉnh;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, vận hành và bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Tuyên truyền, phổ biến nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; khu di tích lịch sử; điểm dân cư nông thôn và công trình;

e) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đê điều; xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ công trình đê điều và bãi sông theo quy định.

3. Tổ chức quản lý, thực hiện và chấp hành chế độ thống kê; thực hiện công tác cải cách hành chính; tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm; thực hiện chế độ, chính sách, thi đua, khen thưởng, kỷ luật; đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tài chính, tài sản và nguồn lực khác theo quy định của pháp luật và phân cấp;

4. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao và theo quy định của pháp luật.



Chương II **CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG**

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Ban lãnh đạo gồm: Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng.
2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, gồm:
 - a) Phòng Tổ chức - Hành chính;
 - b) Phòng Quản lý công trình thủy lợi và Nước sạch nông thôn;
 - c) Phòng Phòng chống thiên tai.
3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Chi cục: Hạt Quản lý Đê điều.

Điều 4. Biên chế công chức và số lượng người làm việc

1. Biên chế công chức và số lượng người làm việc của Chi cục trong tổng biên chế công chức và số lượng người làm việc của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm trên cơ sở Đề án vị trí việc làm được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc tuyển dụng, bố trí công chức, viên chức và người lao động của Chi cục phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp của viên chức Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động

1. Chi cục trưởng là người đứng đầu cơ quan, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của đơn vị.

2. Phó Chi cục trưởng là người giúp Chi cục trưởng phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác do Chi cục trưởng phân công và chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Chi cục trưởng vắng mặt, Phó Chi cục trưởng được Chi cục trưởng ủy quyền điều hành các hoạt động của Chi cục.

3. Trưởng phòng, Hạt trưởng là người trực tiếp phụ trách điều hành và chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng, Hạt được phân công phụ trách.

4. Phó Trưởng phòng, Phó Hạt trưởng là người giúp việc cho Trưởng phòng, Hạt trưởng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng, Hạt trưởng, Lãnh đạo Chi cục, trước pháp luật về công việc được phân công phụ trách.

5. Trách nhiệm của công chức, viên chức và người lao động thuộc Chi cục: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau và Quy định này.



Chương III MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 6. Mối quan hệ công tác giữa Chi cục đối với Cục Thủy lợi, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Mối quan hệ công tác giữa Chi cục đối với Cục Thủy lợi, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là mối quan hệ giữa cấp dưới đối với cấp trên về công tác chuyên môn, nghiệp vụ của ngành; thực hiện nhiệm vụ trọng tâm theo chương trình, kế hoạch dài hạn và hàng năm do Cục Thủy lợi, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai đề ra; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Thủy lợi, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai; báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất về hoạt động công tác ở địa phương.

2. Đề xuất, kiến nghị Cục Thủy lợi, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai hướng dẫn, giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác quản lý, thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ của ngành mang tính phức tạp hoặc mới phát sinh mà chưa điều chỉnh trong văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 7. Mối quan hệ công tác giữa Chi cục đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Mối quan hệ công tác giữa Chi cục đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là mối quan hệ giữa cấp dưới đối với cấp trên; chịu sự chỉ đạo, điều hành, quản lý trực tiếp và toàn diện của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất về hoạt động đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 8. Mối quan hệ công tác giữa Chi cục đối với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Mối quan hệ công tác giữa Chi cục đối với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là mối quan hệ phối hợp, thực hiện các nhiệm vụ chung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị nhằm mục đích thực hiện, phục vụ nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Thường xuyên phối hợp với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch để thực hiện các mặt công tác chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 9. Mối quan hệ giữa Chi cục đối với các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh

Mối quan hệ giữa Chi cục đối với các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố là mối quan hệ tổ chức và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước ở địa phương; đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh là mối quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.



Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Triển khai thực hiện

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau tổ chức triển khai, thực hiện Quy định này.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.